TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO PHONG** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14/11//2023
V/v T/c ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DA

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO PHONG, TỈNH HÒA BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Thịnh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn ThA Hường và bà Trần Thị Mai

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ng Mai.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2023/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc "*TrA chấp ly hôn và nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXX - ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST – HNGĐ ngày 25/10/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lại Thị Huyền T** - Sinh năm 1992

Cư trú tại: Số nhà 822, tổ 2, phường Thống Nhất, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Vắng mặt theo đơn xin xét xử vắng mặt ngày 13/11/2023

Bị đơn: A **Tạ Văn T** – Sinh năm 1989

Cư trú tại: Xóm Chiềng, xã Thung Nai, huyện Cao Phong, Hòa Bình (*vắng mặt không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 24/4/2023, ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lại Thị Huyền T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với A Tạ Văn T hiện trú tại xóm Chiềng, xã Thung Nai, huyện Cao Phong trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Thung Nai, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình ngày 17/9/2014. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc sau đó giữa hai bên nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do không hợp nhau bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mặt khác A T chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần, chị và gia đình hai bên đã khuyên nhủ nhưng A cũng không thay đổi. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với A T

- Về con chung: Chị T và A T có hai con chung, cháu lớn tên là Tạ Bảo Ng sinh ngày 13/11/2014. Cháu thứ hai tên là Tạ Bảo A sinh ngày 27/12/2020, hiện các cháu đang ở với chị T và A T, sức khỏe tốt, nguyện vọng của chị T nếu vợ chồng ly hôn chị muốn được trực tiếp nuôi cháu Tạ Bảo A sinh ngày 27/12/2020 vì cháu còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. A T sẽ nuôi cháu Tạ Bảo Ng sinh ngày 13/11/2014 vì hiện tại con cũng đã lớn và nguyện vọng của con muốn được ở với bố. Chị chưa đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn

- Về tài sản chung: Không có. Không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết

- Về án phí: Chị T tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn, A T không phải nộp.

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án A Tạ Văn T đã được Toà án thực hiện đầy đủ thủ tục cấp tống đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Theo ý kiến tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án A T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: A kết hôn với vợ tên là Lại Thị Huyền T sinh năm 1992 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thung Nai, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình ngày 17/9/2014. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do A là người chồng không tốt, bỏ bê gia đình, không lo kinh tế gia đình dẫn đến việc vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, cãi vã. Hiện tại vợ chồng đang sống ly thân. Nay chị T làm đơn ly hôn quan điểm của A T mong muốn vợ suy nghĩ lại quay về đoàn tụ gia đình vì A vẫn còn tình cảm với vợ.

- Về con chung: A T và chị T có hai con chung cháu lớn tên là Tạ Bảo Ng sinh ngày 13/11/2014. Cháu thứ hai tên là Tạ Bảo A sinh ngày 27/12/2020. Quan điểm của A T nếu vợ chồng phải ly hôn A muốn được trực tiếp nuôi cháu Tạ Bảo Ng, chị T sẽ trực tiếp nuôi cháu Tạ Bảo A, A chưa đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Không có. Không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết

- Về án phí: Chị T tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn A T nhất trí và không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình công nhận việc chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Xác định mâu thuẫn giữa chị T và A T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T

Về con chung: Đề nghị giao cháu Tạ Bảo A sinh ngày 27/12/2020 cho chị Lại Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Bảo A đủ 18 tuổi. Giao cháu Tạ Bảo Ng sinh ngày 13/11/2014 cho A Tạ Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Bảo Ng đủ 18 tuổi. Các bên chưa đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chưa xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con trong vụ án.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên không xem xét.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trA luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: A Tạ Văn T có hộ khẩu và hiện đang sinh sống tại xóm Chiềng, xã Thung Nai, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình nên chị Lại Thị Huyền T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cao Phong giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo Điều 28, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo và tống đạt đầy đủ các văn bản cho các bên đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 175 và Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 211 BLTTDS. Tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 BLTTDS để hai bên thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 25/10/2023 nguyên đơn chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, đã được đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, A T vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào khoản 1 điều 227 BLTTDS ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử vào ngày 14/11/2023. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là A Tạ Văn T mặc dù đã được Tòa án tống đạt, niêm yết các văn bản giấy tờ hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị T và A T.

[2] Về hôn nhân: Chị Lại Thị Huyền T và A Tạ Văn T kết hôn tự nguyện, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thung Nai ngày 17/9/2014, là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị T quá trình chung sống, do A T chơi cờ bạc, nợ nần, không quan tâm đến kinh tế gia đình nên dẫn đến vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, hiện tại vợ chồng đang sống ly thân, trong thời gian ly thân gia đình hai bên cũng hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, bản thân chị T đã cho A T cơ hội để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng A T không thay đổi, vẫn tiếp tục chơi bời, nợ nần. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình trầm trọng và xin được ly hôn A T. Tại Bản tự khai A T cũng xác nhận trong cuộc sống gia đình A là người chồng chưa tốt, chưa quan tâm kinh tế đến gia đình, lo cho vợ con. Vợ chồng đang sống ly thân. Tuy nhiên A vẫn còn tình cảm với vợ mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ vì vậy A không đồng ý ly hôn.

Quá trình xác minh tại gia đình và địa phương nơi A T sinh sống cho thấy nguyên nhân chủ yếu dẫn đến chị T và A T mâu thuẫn là A T chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, cãi vã. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhiều lần và tạo điều kiện về thời gian để hai bên tìm phương pháp giải quyết mâu thuẫn. Song chị T đã xác định tình cảm vợ chồng không còn, thể hiện mâu thuẫn giữa chị T và A T đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần cho chị T ly hôn A T để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[3]- Về nuôi con chung: A T và chị T có hai con chung cháu lớn tên là Tạ Bảo Ng sinh ngày 13/11/2014. Cháu thứ hai tên là Tạ Bảo A sinh ngày 27/12/2020. Nguyện vọng của chị T và A T nếu vợ chồng ly hôn A T sẽ trực tiếp nuôi cháu Tạ Bảo Ng, chị T sẽ trực tiếp nuôi cháu Tạ Bảo A.

Xét thấy việc giao con cho ai nuôi phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của các con, hoàn cảnh thực tế của hai bên và nguyện vọng của các con từ đủ 07 tuổi trở lên. Do chị T và A T đều có nguyện vọng được nuôi con và có điều kiện sống tương đương nhau. Phía cháu Tạ Bảo Ng có nguyện vọng xin được ở với bố, cháu Tạ Bảo A còn nhỏ tuổi. Do vậy cần giao cháu Tạ Bảo A cho chị Lại Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Tạ Bảo Ng cho A Tạ Văn T nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T và A T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các bên chưa đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[4]- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T và A T xác nhận vợ chồng không có tài sản, công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]- Về án phí: Chị Lại Thị Huyền T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm

[6]- Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81 , 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Lại Thị Huyền T

1. Về hôn nhân: Chị Lại Thị Huyền T được ly hôn A Tạ Văn T.

2. Về nuôi con chung: Chị Lại Thị Huyền T và A Tạ Văn T có hai con chung cháu lớn tên là Tạ Bảo Ng sinh ngày 13/11/2014. Cháu thứ hai tên là Tạ Bảo A sinh ngày 27/12/2020. Giao cháu Tạ Bảo A sinh ngày 27/12/2020 cho chị Lại Thị Huyền T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Tạ Bảo A đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Giao Tạ Bảo Ng sinh ngày 13/11/2014 cho A Tạ Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Bảo Ng đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị T và A T không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên chưa phải cấp dưỡng

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên

3. Về án phí: Chị Tạ Thị Huyền T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Phong theo biên lai số 0001877 ngày 01/6/2023.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Đức Thịnh

Nơi nhận:

- *VKSND tỉnh Hòa Bình;*
- *TAND tỉnh Hòa Bình;*
- *VKSND huyện Cao Phong;*
- *THADS huyện Cao Phong;*
- *UBND xã Thung Nai;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*